|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7  **TRƯỜNG TRUNG HỌC SƠ SỞ**  **TRẦN QUỐC TUẤN** |  |
|  |  |

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN**

**KHỐI 8 – TUẦN 24**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NỘI DUNG** |
|  | **TIẾT 1: QUÊ HƯƠNG**  **TIẾT 2:** **CHIẾU DỜI ĐÔ**  **TIẾT 3: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần tập làm văn)**  **ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM (Khuyến khích học sinh tự học)**  **TIẾT 4:** **HỊCH TƯỚNG SĨ** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu nội dung bài học**   * HS đọc tìm hiểu chú thích để tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm. * HS đọc văn bản và trả lời các câu hỏi phần đọc – hiểu văn bản trong SGK. | **TIẾT 1**  **Văn bản: QUÊ HƯƠNG I/ ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi.  - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu.  - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.  **2. Văn bản:**  **a) Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.  **b) Thể thơ:** Thơ 8 chữ.  **c) Phương thức biểu đạt:** biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.  **d) Bố cục:** 4 phần  - 2 câu đầu: giới thiệu về quê hương.  - 6 câu tiếp theo: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá.  - 8 câu tiếp theo: Cảnh thuyền đánh cá trở về.  - 4 câu tiếp theo: Cảm xúc đối với quê hương.  **II/ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**  **1. Giới thiệu về làng quê:** (2 câu đầu)  - Lời thơ bình dị.  - > Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá.  **2. Cảnh dân chài ra khơi đánh cá:** (6 câu tiếp theo)  - Thời gian, không gian thuận lợi.  - Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ.  - Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh, tính từ.  -> Con thuyền mang khí thế dũng mãnh khi ra khơi => vẻ đẹp hùng tráng.  - NT so sánh, ẩn dụ.  -> Cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu t­ượng của làng quê, hồn người.  **=**> Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi vừa hoành tráng và thơ mộng biết bao.  **3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến:** (8 câu thơ tiếp theo)  - Cảnh đón thuyền về: ồn ào, tấp nập  -> Không khí vui vẻ, rộn ràng, mãn nguyện.  - Hình ảnh người dân chài: khoẻ mạnh, rắn rỏi, vẻ đẹp lãng mạn, phi thường.  - NT nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  -> Hình ảnh con thuyền là một phần sự sống làng chài.  **4. Tình cảm của tác giả với quê hương:** (4 câu thơ cuối)  - Câu cảm thán, phép liệt kê.  -> Nỗi nhớ da diết chân thành, sâu nặng (về con người, cảnh vật và mùi vị quê hương)  **III/ TỔNG KẾT**  **Ghi nhớ: SGK/18** |
| **TIẾT 2:**  **Văn bản: CHIẾU DỜI ĐÔ**  ***(Thiên đô chiếu)***  **I/ ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả:**  - Lí Công Uẩn (947 –1028) tức Lí Thái Tổ.  - Quê: Châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang Nay là Từ sơn - Bắc Ninh)  - Ông là vị vua khai sáng triều Lí, là vị vua anh minh, có chí lớn và lập nhiều chiến công.  **2. Văn bản:**  **a) Thể *Chiếu*:**  Chiếu là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh, chiếu có thể viết bằng văn vần, văn xuôi hoặc văn biền ngẫu, chiếu được công bố và đón nhận một cách trang trọng.  **b) Hoàn cảnh ra đời:**  Năm 1010 vua Lí Thái Tổ viết bài *Chiếu dời đô* bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay).  **c) Thể loại:** Nghị luận.  **d) Bố cục:** 2 phần (2 luận điểm)  - Luận điểm 1: Lí do dời đô (Từ đầu → không dời đổi)  - Luận điểm 2: Những cở sở chứng minh thành Đại La là nơi để định đô (Huống gì → hết)  **II/ ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**  **1. Việc dời đô là cần thiết:**  **a) Dời đô là việc làm vẫn xảy ra ở các triều đại trước:**  - Nhà Thương 5 lần, nhà Chu 3 lần dời đô.  - Các vua chúa thời trước không phải theo ý riêng mà vì muốn ...  - Việc dời đô của các vua chúa thời trước khiến cho vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.  -> Luận cứ sẵn có trong lịch sử, ai cũng biết -> xác thực.  => Không chịu thua các triều đại hưng thịnh đi trước, muốn đưa đất nước trở nên hùng mạnh, lâu dài.  **b) Nhà Đinh, Lê cứ đóng đô ở một chỗ là hạn chế:**  - Hai nhà Đinh, Lê cứ đóng đô ở một chỗ khiến cho triều đại không lâu bền, vận nước ngắn ngủi, …  => Luận cứ chính xác, khẳng định việc cần thiết phải dời đô và khát vọng xây dựng một đất nước lâu bền, vững mạnh.  **2. Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất:**  - Về vị trí địa lí: Đó là nơi trung tâm trời đất, mở ra bốn hướng Nam - Bắc - Đông - Tây; có núi, có sông; đất rộng mà bằng, cao mà thoáng, tránh được nạn lụt lội.  - Về vị thế chính trị - văn hoá: là đầu mối giao lưu “chốn tụ hội của bốn phương”; là mảnh đất hưng thịnh “muôn vật phong phú tốt tươi”.  - Về tất cả các mặt, thành Đại La có đủ mọi điều kiện để trở thành kinh đô của đất nước muôn đời.  → Khẳng định sự đúng đắn của quan điểm dời đô; tin tưởng vào việc dời đô là phù hợp với mọi người.  ***=> Chiếu dời đô khẳng định dân tộc Đại Việt đủ sức ngang hàng phương Bắc, thể hiện nguyện vọng của nhân dân thu giang sơn về một mối, xây dựng đất nước độc lập, tự cường***.  **\*Trình tự lập luận:**  - Nêu sử sách làm tiền đề làm chỗ dựa cho lí lẽ.  - Nêu thực tế hoàn cảnh của hai triều đại Đinh – Lê → khẳng định sự cần thiết phải dời đô.  - Đi tới kết luận thành Đại La là nơi thắng địa để chọn làm kinh đô.  - Kết cấu phù hợp với kiểu bài nghị luận (3 đoạn).  - Cách ban bố mệnh lệnh vừa tình cảm, gần gũi, vừa thể hiện tính khách quan.  ***→ Mang tính đối thoại, tạo sự đồng cảm giữa vua với thần dân.***  **III/ TỔNG KẾT**  **Ghi nhớ: SGK/51** |
|  | **TIẾT 3:**  **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**  **(Phần tập làm văn)**  Giới thiệu di tích, thắng cảnh địa phương. Mỗi học sinh, theo sự phân công của giáo viên, chọn một di tích, thắng cảnh ở địa phương mình, điều tra, tìm hiểu, nghiên cứu rồi viết một bài văn thuyết minh không quá 1000 chữ. (Lưu ý: có thể tham khảo nhưng không được chép lại bài đã có sẵn.)  **Gợi ý:**  Học sinh chọn danh lam thắng cảnh (hoặc di tích lịch sử) ở địa phương mình và viết theo bố cục:  - Mở bài: Danh lam thắng cảnh đó là nơi nào, ở đâu.  - Thân bài: Lần lượt giới thiệu về danh lam thắng cảnh (hoặc di tích lịch sử) đó.  + Nguồn gốc: xuất hiện từ bao giờ  + Tên gọi  + Miêu tả vẻ đẹp của thắng cảnh đó: từ xa đến gần, từ bao quát đến chi tiết  - Kết bài: Tình cảm của em với danh lam thắng cảnh (hoặc di tích lịch sử) đó. |
| Học sinh đọc bài và tự ôn tập theo hướng dẫn trong SGK/73. | **Tập làm văn:**  **ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**  **(Khuyến khích học sinh tự học)**  **I/ KHÁI NIỆM LUẬN ĐIỂM**  **1. Bài tập:**  **Bài 1:**  - Chọn c → Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương cơ bản mà người viết (nói) nêu ra trong bài văn nghị luận.  **Bài 2:**  **a) Luận điểm ở bài “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”:**  - Truyền thống yêu nước của ND VN trong lịch sử dựng nước và giữ nước → Luận điểm xuất phát dùng làm cơ sở.  + Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân ta.  - Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.  + Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.  - Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý. Có khi được trình bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi được cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm.  + Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức tuyên truyền, tổ chức lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hiện vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. => Luận điểm chính dùng làm kết luận của bài.  **b) Luận điểm ở bài “Chiếu dời đô” gồm hai luận điểm:**  - Dời đô là việc trọng đại để mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài (luận điểm làm cơ sở xuất phát).  + Các triều đại Đinh - Lê không dời đô nên triều đại ngắn ngủi.  - Đại La xét về mọi mặt là kinh đô muôn đời → Vua dời đô ra Đại La (luận điểm chính - KL).  **2. Nhận xét:**  - Luận điểm là tư tưởng, quan điểm chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.  - Luận điểm là một hệ thống: luận điểm chính (dùng làm kết luận của bài) và luận điểm phụ dùng làm điểm xuất phát).  **II/ MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬN ĐIỂM VỚI VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**  **1. Bài tập/73**  **a) Vấn đề đặt ra trong bài: “Tinh thần ... ta”**  → Truyền thống yêu nước của ND VN trong lịch sử dựng nước và giữ nước.  - Luận điểm “Đồng bào ta ngày nay có lòng yêu nước nồng nàn”? → Không đủ làm rõ sáng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  **b) Luận điểm: “Các triều đại … kinh đô”**→ không đủ để làm sáng tỏ vấn đề phải dời đô đến Đại La của *Chiếu dời đô*.  **2. Nhận xét:**  Trong bài văn nghị luận, luận điểm phải phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và phải đủ để làm sáng tỏ toàn bộ vấn đề.  **III/ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC LUẬN ĐIỂM TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**   1. **Bài tập:**   - Hệ thống LĐ (1)  Ưu điểm: chính xác, đủ ý, phù hợp. Trình bày mạch lạc, liên kết chặt chẽ với nhau, sáng tỏ vấn đề, thuyết phục. → lựa chọn  - Hệ thống LĐ (2)  Nhược điểm: chưa chuẩn xác, chưa phù hợp. Trình bày lộn xộn, trùng lặp, các luận điểm liên kết lỏng lẻo. → không chọn  **2. Nhận xét:**Trong bài văn nghị luận luận điểm cần phải chính xác và gắn bó chặt chẽ với nhau (luận điểm trước đặt cơ sở cho luận điểm sau, còn luận điểm sau phát huy được kết quả của luận điểm trước).  **3. Ghi nhớ: SGK/ 75**  **IV/ LUYỆN TẬP**  **Bài 1/75**  Luận điểm của đoạn văn không phải là “Nguyễn Trãi như một ông tiên ở trong tòa ngọc” hay “Nguyễn Trãi là người anh hùng dân tộc” mà là “Nguyễn Trãi là tinh hoa của đất nước, của dân tộc và của thời đại lúc bấy giờ”.  **Bài 2/76**  **Giáo dục là chìa khóa của tương lai:**  Lựa chọn và sắp xếp lại hệ thống luận điểm như sau:  - GD là yếu tố quyết định đến việc điều chỉnh tốc độ gia tăng dân số; quyết định môi trường sống, mức sống ... trong tương lai.  - GD trang bị kiến thức và nhân cách, trí tuệ và tâm hồn cho trẻ em hôm nay, những người làm nên thế giới ngày mai.  - GD là chìa khóa cho sự tăng trưởng kinh tế trong tương lai.  - GD là chìa khóa cho sự phát triển chính trị và cho tiến bộ xã hội sau này. |
|  | **TIẾT 4:**  **Văn bản: HỊCH TƯỚNG SĨ**  **I/ ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Tác giả:**  - Trần Quốc Tuấn (1231? – 1300)  - Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên 1285 và 1288.  **2. Văn bản:**  **a) Thể *Hịch*:**  - Hịch là thể văn nghị luận thời xưa, thường được vua chúa hay tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh phong trào dùng để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.  - Đặc điểm: khích lệ tình cảm, tinh thần người nghe, thường viết theo thể biền ngẫu. Hịch có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, có dẫn chứng thuyết phục.  **b) Hoàn cảnh ra đời:**  Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai (1285). Bài hịch được làm để khích lệ tướng sĩ học tập cuốn *Binh thư yếu lược* do chính Trần Quốc Tuấn soạn.  **c) Thể loại:** nghị luận  **d) Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: Từ đầu đến lưu tiếng tốt → Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách.  - Đoạn 2: Tiếp đến cũng vui lòng → Sự ngang ngược và của kẻ thù và thể hiện lòng căm thù giặc.  - Đoạn 3: Từ các ngươi đến “không muốn vui vẻ phỏng có được không?” → phân tích phải trái làm rõ đúng sai.  - Phần còn lại → Nêu nhiêm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.  **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**  **1. Nêu gương trong sử sách:**  - Đưa các dẫn chứng xác thực từ thời xưa (SGK/55, 56): những tấm gương của trung thần nghĩa sĩ trong sử sách.  -> Khích lệ lòng trung quân ái quốc của tướng sĩ. |
| **Hoạt động 2: Luyện tập**  HS hoàn thành bài tập. | 1. Sưu tầm và ghi lại một số câu thơ, đoạn thơ hoặc bài thơ về tình cảm quê hương mà em yêu thích. 2. Chứng minh *Chiếu dời đô* có kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục? 3. Viết bài văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh (hoặc một di tích lịch sử) của quê hương em. |